

UNIT 9:

COMMUNICATION

COMMUNICATION

I/ NEW WORDS:

- language barrier	(n): rào cản ngôn ngữ
- shrug	(v): nhún vai
- glance	(n): cái liếc nhìn
- lack of	(v): thiếu
- corridor	(n): hành lang
- contact	(v): tiếp xúc, liên lạc
- network signal	(n): tín hiệu mạng
- shorthand	(n): chữ viết tắt
- separation	(n): sự chia cắt
- hip	(n) : hông
- fist	(n) : nắm tay, quả đấm
- abbreviation	(n) : sự tóm tắt
- decode	(v) : đọc mật mã, giải mã
- app (application program)	(n) : ch.trình ứng dụng
- automatically	(adv) : tự động